| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THỊ XÃ BẾN CÁT**<br>**TỈNH BÌNH DƯƠNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 02/2024/LĐ-ST
Ngày: 23/02/2024
V/v: Tranh chấp về yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BẾN CÁT, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

***Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:*** Bà Hồ Thị Hoa

***Các Hội thẩm nhân dân:***

1. Bà Nguyễn Thị Thắm – Nguyên chủ tịch công đoàn Bệnh viện đa khoa thị xã Bến Cát;

2. Ông Lục Kim Thanh – Giáo viên hưu trí.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Thắm – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa***: Ông Võ Văn Nam – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bến cát, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 04/2024/TLST-LĐ ngày 17 tháng 01 năm 2024 về việc "Tranh chấp về yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2024/QĐXXST-LĐ ngày 01 tháng 02 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1973; địa chỉ: Số nhà 18, đường 4, ấp 2, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Vũ Công T, sinh năm 1997; địa chỉ liên hệ: Số 167/19A Nguyễn Thị Minh K, tổ 2, khu 9, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 08/8/2023). Có mặt.

- *Bị đơn:* Công ty Trách nhiệm hữu hạn (TNHH) D; địa chỉ: Lô số J3, khu công nghiệp M, phường M, thị xã B, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Trịnh Quốc C, sinh năm 1990; địa chỉ: Tổ 2, khu phố 3B, phường T, thị xã B, tỉnh Bình Dương. Là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 25/01/2024). Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1971; địa chỉ: Ấp T, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai. Vắng mặt.

+ Bảo hiểm xã hội thị xã B; địa chỉ: Khu phố 2, phường M, thị xã B, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Trọng K.Chức vụ: giám đốc. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Huỳnh B, sinh năm 1991. Chức vụ: Chuyên viên Bảo hiểm xã hội thị xã B. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Theo đơn khởi kiện đề ngày 08/8/2023, lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Vũ Công T trình bày:***

Vào khoảng tháng 12/2007, bà Nguyễn Thị N đi xin việc làm và có nguyện vọng vào làm việc tại Công ty TNHH D. Tuy nhiên, vì do mất giấy chứng minh nhân dân, do không am hiểu pháp luật, hoàn cảnh khó khăn cần việc làm để có thu nhập nên bà N đã mượn hồ sơ của bà Nguyễn Thị L (là em gái của bà N) để làm hồ sơ xin việc vào Công ty TNHH D.

Bà N đã làm việc tại Công ty từ tháng 12/2007 đến tháng 5/2012 thì bà N nghỉ việc. Qúa trình làm việc tại Công ty bà N lấy tên bà L và Công ty đã tham gia đóng bảo hiểm xã hội cho bà N theo mã số Bảo hiểm xã hội 9107291376. Sau khi nghỉ việc 01 năm đến khoảng tháng 6/2012, bà N đã làm hồ sơ để nhận toàn bộ số tiền Bảo hiểm xã hội và Bảo hiểm thất nghiệp.Về phía bà L (Nguyễn Thị L) đã nộp đơn và ký hợp đồng lao động với Công ty TNHH giày D tại KCN Xuân Lộc vào tháng 3/2010 và tham gia đóng Bảo hiểm xã hội với mã số 7510054199 từ tháng 4/2010 tới tháng 6/2021.

Đến tháng 8/2022, bà L đến Cơ quan Bảo hiểm xã hội (BHXH) huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai để làm hồ sơ xin giải quyết chế độ thì phát hiện thời gian đóng BHXH bị trùng 02 mã số của BHXH. Do đó Cơ quan BHXH huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai không thể giải quyết tiền tham gia đóng BHXH cho bà L trong thời gian bà L làm việc tại Công ty TNHH giày D.

Do vậy, ngày 08/8/2023, nguyên đơn bà Nguyễn Thị L khởi kiện yêu cầu Toà án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương giải quyết:

- Yêu cầu tuyên bố Hợp đồng lao động giữa Công ty TNHH D và bà Nguyễn Thị L ký kết vào tháng 7/2007 vô hiệu.

- Yêu cầu Bảo hiểm xã hội thị xã B, tỉnh Bình Dương tiến hành giải quyết vấn đề Bảo hiểm giữa bà N và Công ty TNHH D để Bảo hiểm xã hội huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai chi tiền Bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật.

Qúa trình giải quyết người đại diện hợp pháp của nguyên đơn tự nguyện rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu Bảo hiểm xã hội thị xã B, tỉnh Bình Dương tiến hành giải quyết vấn đề Bảo hiểm giữa bà N và Công ty TNHH D để

Bảo hiểm xã hội huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai chi tiền Bảo hiểm xã hội cho bà L theo quy định.

Việc cho người khác sử dụng giấy tờ của nguyên đơn để tham gia bảo hiểm dẫn đến trùng lặp thời gian đóng bảo hiểm, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Do đó nay nguyên đơn yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Nguyễn Thị L (do bà Nguyễn Thị N mượn tên) và Công ty TNHH D là vô hiệu do người ký kết hợp đồng không phải là nguyên đơn. Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu.

Việc cho người khác sử dụng giấy tờ của nguyên đơn để làm việc tại TNHH D dẫn đến việc trùng lắp quá trình đóng bảo hiểm xã hội là ngoài ý muốn của Công ty. Do đó nguyên đơn tự nguyện chịu toàn bộ án phí lao động sơ thẩm.

***Tại Biên bản lấy lời khai trong quá trình tố tụng, người đại diện hợp pháp của bị đơn ông Trịnh Quốc C trình bày:***

Theo như dữ liệu trên máy tính của Công ty TNHH D, Công ty TNHH D có nhận bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1973; địa chỉ: Xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai vào làm việc tại Công ty tại bộ phận may A1. Theo dữ liệu trên máy tính thì ngày vào làm việc của bà L là ngày 04/9/2007, ngày nghỉ việc là ngày 05/5/2012, mã số thuế thu nhập cá nhân là 8024280632 theo số chứng minh nhân dân 271206206 chứ không có thể hiện mã số Bảo hiểm xã hội. Khi bà L nghỉ việc thì phía Công ty đã giải quyết đầy đủ các chế độ và quyền lợi cho bà L theo đúng quy định.

Công ty TNHH D với ngành nghề kinh doanh của Công ty là gia công giày dép xuất khẩu, vị trí nằm trong khu công nghiệp Mỹ Phước I do đó việc biến động lao động hàng năm rất lớn. Vào năm 2014, Công ty xảy ra sự kiện cháy xưởng và Văn phòng nên hiện tại hợp đồng của bà L và toàn bộ công nhân nhân viên trong Công ty trước đó đã làm và làm việc tại thời điểm Công ty bị cháy là bị cháy hết. Do đó, việc cung cấp hồ sơ cũng như hợp đồng lao động không thực hiện được.

Việc bà Nguyễn Thị N mượn hồ sơ của bà Nguyễn Thị L để tham gia ký kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH D thì thời điểm tuyển dụng Công ty không phát hiện được việc người lao động sử dụng hồ sơ giả. Nay nguyên đơn bà Nguyễn Thị L yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động (thời gian làm việc từ ngày 4/9/2007 đến ngày 05/5/2012) giữa bà bà Nguyễn Thị L và Công ty TNHH D vô hiệu thì bị đơn đồng ý. Đối với hậu quả của hợp đồng vô hiệu thì bị đơn không có ý kiến cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***Tại Bản tự khai ngày 01/02/2024 và lời khai trong quá trình tố tụng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị N trình bày:***

Bà Nguyễn Thị N là chị gái của bà Nguyễn Thị L. Vào khoảng tháng 12/2007, do hoàn cảnh gia đình khó khăn, cần công việc để kiếm thu nhập nhưng thời điểm đó do bà N bị mất chứng minh nhân dân. Vì vậy, bà N có cho bà L mượn giấy tờ để xin việc làm tại Công ty TNHH D. Vì vậy, vào năm 2007 bà N xin tuyển dụng vào làm công nhân tại Công ty TNHH D, với vị trí là công nhân từ ngày 04/9/2007 đến ngày 05/5/2012 thì xin nghĩ việc để về quê. Do thời gian nghỉ việc

đã quá lâu, bà N không còn giữ hợp đồng lao động và hay bảng lương giữa bà Công ty TNHH D nên không còn chứng cứ để cung cấp cho Tòa án.

Do thiếu hiểu biết pháp luật nên bà Nở đã sử dụng chứng minh nhân dân của bà L để tham gia Hợp đồng lao động với Công ty TNHH D. Thời điểm, Công ty TNHH D ký hợp đồng lao động với bà N do bà N sử dụng hết giấy tờ của bà L xin vào Công ty TNHH D nên Công ty không biết bà N sử dụng giấy tờ của bà L để xin việc. Nay bà N đã chấm dứt hợp đồng lao động với Công ty TNHH D và không tham gia bảo hiểm xã hội tại Công ty TNHH D từ khi nghỉ việc đến nay đến nay. Hiện nay bà đang tham gia BHXH tại Công ty TNHH S với đúng tên của bà là Nguyễn Thị N.

Sau khi nghĩ việc tại Công ty TNHH D, bà N làm thủ tục nhận bảo hiểm xã hội tại Bảo hiểm xã hội huyện B trong thời gian bà làm việc tại Công ty TNHH D. Nay trước yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Nguyễn Thị L (do bà Nguyễn Thị N mượn tên) và Công ty TNHH D bà đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và không yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu.

***Tại Bản tự khai trong quá trình tham gia tố tụng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội thị xã B trình bày:***

Ngày 13/5/2013, bà Nguyễn Thị L đã nộp hồ sơ đề nghị hưởng trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần của sổ BHXH số 9107291376 tại Cơ quan bảo hiểm xã hội huyện (nay là thị xã) B. Ngày 17/5/2013, BHXH huyện B đã giải quyết bảo hiểm xã hội một lần đối với bà Nguyễn Thị L căn cứ theo Quyết định số 011303875/QĐ – BHXH ngày 17/5/2013 của BHXH huyện B. Tổng số tiền trợ cấp BHXH 01 lần đã hưởng là 13.688.858 đồng. Căn cứ theo dữ liệu tra cứu, sổ BHXH số 9107291376 của bà Nguyễn Thị L đã hưởng BH thất nghiệp theo số QĐ 24913 ngày 05/06/2012, số tháng hưởng 06 tháng (quá trình tham gia BHXH tính hưởng là 03 năm 4 tháng), số tiền hưởng 1.802.620 đồng, tổng số tiền Bảo hiểm thất nghiệp đã hưởng là 10.815.720 đồng. Qua kiểm tra dữ liệu cấp sổ BHXH của bà Nguyễn Thị L, số Chứng minh nhân dân 271206206 có 02 số sổ BHXH cụ thể như sau: Số sổ 9107291376 quá trình tham gia tại Công ty TNHH D từ 12/2007 đến 04/2012 và số sổ BHXH 7510054199 quá trình tham gia tại Công ty TNHH giày D từ 4/2010 đến 6/2021. Do trước đây hệ thống BHXH chưa liên thông dữ liệu với BHXH các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (dữ liệu hệ thống toàn quốc) nên không thể phát hiện việc đóng trùng BHXH của người lao động. Về Hợp đồng lao động, hồ sơ cá nhân của bà Nguyễn Thị L thì Cơ quan Bảo hiểm xã hội không lưu trữ.

Đại diện Viện Kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án, chuẩn bị xét xử đến khi tiến hành phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự, đã thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng quy định, không vi phạm pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận. Đối với việc rút 01 phần yêu cầu

khởi kiện của người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về sự vắng mặt của các đương sự: Người đại diện hợp pháp của bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị N và người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội thị xã B là ông Nguyễn Huỳnh B có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về quan hệ tranh chấp và xác định tư cách tham gia tố tụng của đương sự trong vụ án: Nguyên đơn bà L khởi kiện Công ty ty Trách nhiệm hữu hạn D; địa chỉ: Lô số J3, khu công nghiệp M, phường M, thị xã B, tỉnh Bình Dương yêu cầu Tòa án giải quyết tuyên bố hợp đồng lao động được ký kết giữa bà Nguyễn Thị L với Công ty Trách nhiệm hữu hạn D Việt Nam vô hiệu, không yêu cầu giải quyết hậu quả hợp đồng vô hiệu. Do đó, căn cứ khoản 3 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, bị đơn được xác định là Công ty Trách nhiệm hữu hạn D và quan hệ pháp luật được xác định trong vụ án là tranh chấp về yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát theo quy định tại khoản 5 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

[1.3] Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn đề nghị rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu Bảo hiểm xã hội thị xã B, tỉnh Bình Dương tiến hành giải quyết vấn đề Bảo hiểm giữa bà N và Công ty TNHH D để Bảo hiểm xã hội huyện X, tỉnh Đồng Nai chi tiền Bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật. Xét việc rút lại một phần yêu cầu khởi kiện của người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là tự nguyện nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử theo quy đinh tại khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.4] Các bên không cung cấp được tài liệu, chứng cứ là Hợp đồng lao động giữa Công ty TNHH D và bà Nguyễn Thị L (thực tế là bà Nguyễn Thị N). Tuy nhiên, Công ty TNHH D thừa nhận có Hợp đồng lao động và có tham gia bảo hiểm xã hội cho người lao động Nguyễn Thị L nhưng do vào năm 2014, Công ty xảy ra sự kiện cháy xưởng và Văn phòng nên hiện tại hợp đồng của bà L và toàn bộ công nhân nhân viên trong Công ty trước đó đã làm và làm việc tại thời điểm Công ty bị cháy hết. Như vậy, thực tế có tồn tại Hợp đồng lao động giữa Công ty TNHH D và người lao động có thông tin bà Nguyễn Thị L có giao kết hợp đồng lao động vào năm 2007. Đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Quá trình tham gia bảo hiểm xã hội của người lao động lấy tên Nguyễn Thị L như sau: Mã số bảo hiểm xã hội 9107291376: Từ tháng 12/2007 đến tháng 4/2012 tại Công ty TNHH D và Mã số bảo hiểm xã hội 7510054199: Từ 4/2010 đến tháng 6/2021 tại Công ty TNHH Giày D.

[2.2] Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong quá trình giải quyết vụ án và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xét thấy: Bà Nguyễn Thị L ký kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH D và làm việc từ tháng tháng 12/2009 đến tháng 05/2012 và được Công ty tham gia BHXH, BHYT, BHTN đầy đủ thể hiện tại sổ bảo hiểm xã hội số 9107291376.

Bị đơn Công ty TNHH D xác nhận có ký kết hợp đồng lao động với người lao động có tên Nguyễn Thị L và có tham gia BHXH, BHTN cho người lao động từ tháng 12/2009 đến khi bà L nghỉ việc là ngày 05/5/2012. Hiện hồ sơ lao động của bà L Công ty không còn lưu trữ. Việc bà L mượn hồ sơ của người khác để tham gia ký kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH D thì thời điểm tuyển dụng Công ty không phát hiện được việc người lao động sử dụng hồ sơ giả.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị N xác nhận do thiếu hiểu biết pháp luật và hoàn cảnh gia đình khó khăn, mong muốn có thu nhập để giúp đỡ gia đình nên bà N có mượn giấy tờ tùy thân của bà L để tham gia ký kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH D từ tháng 12/2009 cho đến tháng 5/2012 thì nghỉ việc về quê.

Việc bà Nở sử dụng chứng minh nhân dân, thông tin của bà L để giao kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH D là hành vi lừa dối về mặt chủ thể khi xác lập giao dịch dân sự, vi phạm nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, hợp tác, tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của nhau khi xác lập quan hệ lao động. Do đó việc bà Nguyễn Thị L yêu cầu tuyên vô hiệu hợp đồng lao động giữa bà Nguyễn Thị L (do bà Nguyễn Thị N mượn tên) với Công ty TNHH D là có căn cứ theo quy định tại Điều 127 và Điều 132 Bộ luật Dân sự năm 2005.

Nguyên đơn chỉ yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu, ngoài ra không yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu, bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu gì trong vụ án. Đây là quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự theo quy định tại Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự, do đó Tòa án không xem xét giải quyết về hậu quả của hợp đồng vô hiệu. Sau khi Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật, người lao động có quyền liên hệ cơ quan Bảo hiểm xã hội để được giải quyết các chế độ bảo hiểm xã hội theo quy định.

Như vậy, Công ty TNHH D và Công ty TNHH Giày D cùng tham gia bảo hiểm xã hội cho người lao động có tên Nguyễn Thị L. Tuy nhiên, thực tế bà L chỉ làm việc tại Công ty TNHH Giày D, không làm việc tại Công ty TNHH D. Do đó, hợp đồng lao động được ký kết giữa Công ty TNHH D với bà Nguyễn Thị L là vô

hiệu như những phân tích ở trên. Do đó, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L đối với bị đơn Công ty TNHH D.

[3] Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn tự nguyện chịu toàn bộ án phí nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 5, 32, 35, 39, 147, 227, 228, 238, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 127 và Điều 132 Bộ luật Dân sự năm 2005;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L về tranh chấp về yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu.

Tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Nguyễn Thị L và Công ty TNHH D vô hiệu.

2. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu Bảo hiểm xã hội thị xã B, tỉnh Bình Dương tiến hành giải quyết vấn đề Bảo hiểm giữa bà N và Công ty TNHH D để Bảo hiểm xã hội huyện X, tỉnh Đồng Nai chi tiền Bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị L phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày Tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

5. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 482 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự (hợp nhất số: 32/VBHN-VPQH ngày 07/12/2020).

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Bến Cát;
- Chi cục THADS thị xã Bến Cát;
- Sở tư pháp tỉnh Bình Dương;
- Người tham gia tố tụng;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Lưu: HS, TA (01).

**Hồ Thị Hoa**